

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI



Bài viết

**TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC THI HIỆP
ĐỊNH VIFTA TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU MẶT HÀNG
THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM VỚI THỊ TRƯỜNG I-XRA-EN
THÁNG 7/2026**

**Thuộc nhiệm vụ: : “Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin
phục vụ triển khai Hiệp định VIFTA” năm 2026**

Hà Nội, tháng 7/2026

MỤC LỤC

DANH MỤC BIỂU ĐỒ, BẢNG	3
BIỂU ĐỒ	3
BẢNG.....	3
TÓM TẮT.....	4
1. Xuất khẩu hàng hóa tới I-xra-en.....	5
1.1. Xuất khẩu hàng hóa tới I-xra-en giai đoạn 2021 - 2025 và 6 tháng đầu năm 2026	5
1.2 Vai trò của mặt hàng thủy sản xuất khẩu tới I-xra-en	6
1.2.1 Vai trò của xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en trước khi VIFTA có hiệu lực	7
1.2.2 Vai trò của xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en sau khi VIFTA có hiệu lực.....	8
2. Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới I-xra-en giai đoạn 2021 -2026.....	8
2.1. Mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam tới I-xra-en trước khi VIFTA có hiệu lực	9
2.2. Mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam tới I-xra-en sau khi VIFTA có hiệu lực	9
2.3. Xuất khẩu một số nhóm hàng thủy sản của Việt Nam tới I-xra-en trước và sau VIFTA có hiệu lực	10
2.3.1 Cá ngừ các loại	10
2.3.2 Tôm các loại.....	10
2.3.3 Cá tra, basa	11
2.3.4 Mực các loại.....	11
2.4 So sánh xug 118,97% về lượng và tăng 130,7% giá trị xuất khẩu sau khi VIFTA có hiệu lực.....	11
3. Nhập khẩu thủy sản của I-xra-en trước và sau khi VIFTA có hiệu lực	12
3.1 Nhập khẩu thủy sản của I-xra-en giai đoạn năm 2021-2025	12
3.2 Vị trí của thủy sản Việt Nam và tương quan với đối thủ cạnh tranh	13
4. Xu hướng tiêu dùng và nhập khẩu thủy sản của I-xra-en	15
4.1 Nhu cầu tiêu dùng thủy sản của I-xra-en	15
4.2 Xu hướng tiêu dùng thủy sản của I-xra-en	16
4.3 Xu hướng nhập khẩu thủy sản của I-xra-en.....	16
4.4 Cập nhật các chính sách, quy định mới về nhập khẩu thủy sản của I-xra-en	17

4.4.1 Cải cách lớn: “Điều gì tốt cho châu Âu thì tốt cho I-xra-en”	17
4.4.2 Thủ tục nhập khẩu thực phẩm được đơn giản hóa, chuyển mạnh sang hậu kiểm	18
4.4.3 Quy định mới về ghi nhãn dị ứng, đặc biệt liên quan đến thủy sản	18
4.4.4 Tiêu chuẩn kỹ thuật đối với thủy sản của I-xra-en	19
4.4.5 I-xra-en tiếp tục chính sách mở cửa thị trường để giảm giá thực phẩm	19
4.4.6 Tác động kết hợp với VIFTA tới nhập khẩu thủy sản từ Việt Nam	20
5. Đánh giá tính hiệu quả của VIFTA và triển vọng trong thời gian tới	21
6 Triển vọng xuất khẩu thủy sản Việt Nam tới I-xra-en	21

DANH MỤC BIỂU ĐỒ, BẢNG

BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tới I-xra-en giai đoạn năm 2021 - 2026

Biểu đồ 2: Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới I-xra-en giai đoạn năm 2021 - 2026

BẢNG

Bảng 1: Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tới I-xra-en giai đoạn năm

Bảng 2: Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới I-xra-en và tỷ trọng giai đoạn năm 2021 - 2025 và 6 tháng đầu năm 2026

Bảng 3: Mặt hàng thủy sản xuất khẩu tới I-xra-en giai đoạn năm 2021-2025 và 6 tháng đầu năm 2026

Bảng 4: Thị trường cung cấp thủy sản cho I-xra-en giai đoạn năm 2021-2025

Bảng 5: Tương quan thị phần thủy sản của các đối thủ cạnh tranh với thủy sản Việt Nam tại I-xra-en và mức độ tác động của VIFTA

Bảng 6: Tiêu thụ thủy sản bình quân đầu người của I-xra-en giai đoạn năm 2021-2025

Bảng 7: Tổng hợp tác động các quy định, chính sách của I-xra-en tới thủy sản Việt Nam

TÓM TẮT

I-xra-en là thị trường có nhu cầu tiêu dùng thủy sản tương đối cao, nhưng khả năng tự cung cấp còn hạn chế, do đó phụ thuộc đáng kể vào nguồn nhập khẩu. Theo số liệu mới nhất của FAOSTAT tiêu thụ thủy sản bình quân đầu người tại I-xra-en đạt khoảng 24,8 kg/người vào năm 2023. Giai đoạn năm 2021-2025, trị giá nhập khẩu thủy sản của I-xra-en tăng từ 756,3 triệu USD lên 1,028 tỷ USD, tăng 35,9%. Mặc dù năm 2025 giảm 7,9% so với năm 2024, quy mô nhập khẩu vẫn cao hơn đáng kể so với năm 2021, cho thấy nhu cầu nhập khẩu thủy sản của I-xra-en tiếp tục ở mức cao và còn dư địa tăng trong thời gian tới.

I-xra-en đang có xu hướng đa dạng hóa nguồn cung thủy sản. Theo đó, I-xra-en đang giảm dần sự phụ thuộc vào một số nguồn cung truyền thống, đồng thời mở rộng và đa dạng hóa thị trường nhập khẩu để bảo đảm nguồn hàng, tăng cạnh tranh và hạn chế rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng. Việt Nam nằm trong nhóm các nhà cung cấp lớn, là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 7 cho I-xra-en sau Na Uy, Trung Quốc, Chile, Thái Lan, Hi Lạp và Hà Lan.

Hiệp định VIFTA có hiệu lực từ ngày 17/11/2024 tạo khổ pháp lý toàn diện, thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ thương mại, đầu tư, dịch vụ và hợp tác công nghệ cao song phương giữa Việt Nam và I-xra-en, trong đó I-xra-en cam kết tự do hóa khoảng 92,7% số dòng thuế vào cuối lộ trình. Đối với thủy sản, lợi ích quan trọng của VIFTA là tạo điều kiện cải thiện khả năng cạnh tranh về thuế quan khi doanh nghiệp đáp ứng quy tắc xuất xứ và các điều kiện hưởng ưu đãi.

Tuy nhiên, kết quả năm 2025 chưa cho thấy tác động rõ rệt của VIFTA đối với kim ngạch và thị phần thủy sản Việt Nam. Tuy nhiên 6 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới thị trường I-xra-en đã đạt 38,65 triệu USD, tăng 27% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 6,82% tổng trị giá xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tới I-xra-en.

Với những ưu đãi từ Hiệp định VIFTA và nhu cầu thị trường, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang I-xra-en trong thời gian tới sẽ có triển vọng tích cực. Dự báo, giai đoạn năm 2026-2030, nhu cầu nhập khẩu thủy sản của I-xra-en sẽ duy trì ở mức cao và có khả năng tăng trở lại khi các yếu tố ngắn hạn được cải thiện. Nhu cầu sẽ tập trung vào các sản phẩm có giá cạnh tranh, chất lượng ổn định, thuận tiện sử dụng và có giá trị gia tăng cao. Xu hướng đa dạng hóa nguồn cung của I-xra-en cũng tạo thêm dư địa cho Việt Nam mở rộng thị phần. Với thị

phần 7,5% năm 2025 và khoảng cách chỉ 0,9 điểm phần trăm so với Thái Lan, Việt Nam có khả năng thu hẹp và vượt Thái Lan nếu tận dụng hiệu quả VIFTA.

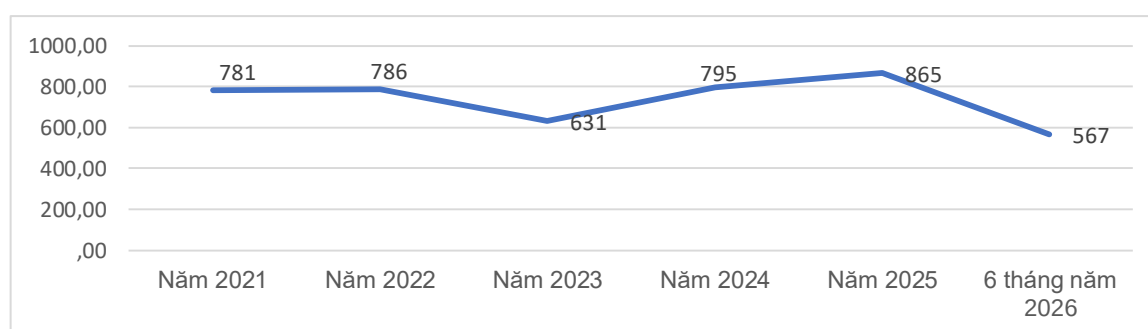
Nhìn chung, VIFTA đang và sẽ là đòn bẩy quan trọng để nâng cao sức cạnh tranh của thủy sản Việt Nam tại thị trường I-xra-en. Việt Nam cần tận dụng VIFTA để phát triển mạnh các mặt hàng có lợi thế như tôm, cá ngừ, cá tra, mực, bạch tuộc và thủy sản chế biến; đồng thời tăng tỷ lệ sản phẩm chế biến sâu, nâng cao truy xuất nguồn gốc và chủ động đáp ứng các quy định mới của I-xra-en. Nếu thực hiện tốt các giải pháp này, VIFTA sẽ tạo cơ sở để thủy sản Việt Nam củng cố vị trí và từng bước nâng thị phần tại I-xra-en trong giai đoạn 2026-2030.

1. Xuất khẩu hàng hóa tới I-xra-en

1.1. Xuất khẩu hàng hóa tới I-xra-en giai đoạn 2021 - 2025 và 6 tháng đầu năm 2026

Trong giai đoạn năm 2021-2025, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang I-xra-en đạt bình quân 771,45 triệu USD/năm. Trị giá xuất khẩu tăng từ 780,6 triệu USD năm 2021 lên 785,7 triệu USD năm 2022, giảm xuống 631,3 triệu USD năm 2023, sau đó tăng lên 794,6 triệu USD năm 2024 và đạt 865,0 triệu USD năm 2025. Như vậy, năm 2025 là năm có trị giá xuất khẩu cao nhất trong giai đoạn 2021-2025.

**Biểu đồ 1: Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tới I-xra-en
giai đoạn 2021 - 2026 (ĐVT. Triệu USD)**



Nguồn: Cục Hải quan

Năm 2021-2023, giai đoạn trước khi VIFTA có hiệu lực, xuất khẩu của Việt Nam sang I-xra-en đạt bình quân 732,53 triệu USD/năm. Năm 2024 là năm chuyển tiếp, do VIFTA có hiệu lực từ ngày 17/11/2024. Tổng xuất khẩu hàng hóa tới I-xra-en năm 2024 đạt 794,6 triệu USD, tăng 25,9% so với năm 2023. Năm 2025 là năm đầu tiên thực hiện đầy đủ VIFTA trong cả năm, kim ngạch

xuất khẩu đạt 865,0 triệu USD, tăng 8,9% so với năm 2024 và tăng 18,1% so với mức bình quân của giai đoạn trước VIFTA 2021-2023. Như vậy xuất khẩu hàng hóa sang I-xra-en năm 2025, năm đầu tiên thực hiện đầy đủ Hiệp định VIFTA, đã tăng 8,9% so với năm 2024 cho thấy VIFTA đã phần nào tạo thêm điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu hàng hóa tới thị trường này.

Trong 6 tháng năm 2026, xuất khẩu của Việt Nam sang I-xra-en đạt 566,95 triệu USD, tăng 31,1% so với cùng kỳ năm 2025. Trị giá xuất khẩu 6 tháng năm 2026 bằng 65,5% tổng xuất khẩu cả năm 2025.

Bảng 1: Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tới I-xra-en giai đoạn 2021 - 2026
(ĐVT: Triệu USD)

Nhóm hàng	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Trung bình giai đoạn năm 2021 - 2025	6 tháng năm 2026
Tổng	780,6	785,7	631,3	794,6	865,0	771,45	566,95
Điện thoại các loại và linh kiện	355,7	293,2	186,9	237,1	221,9	258,95	178,65
Giày dép các loại	61,3	92,3	64,5	75,1	83,5	75,35	40,10
Hàng thủy sản	76,1	80,4	80,2	102,3	76,1	82,99	38,65
Hạt điều	57,9	59,8	47,5	61,4	61,0	57,50	37,83
Cà phê	20,3	24,3	28,0	37,5	60,2	34,06	26,92
Hàng dệt, may	25,2	32,8	28,4	41,3	44,3	34,38	23,92
Hàng hóa khác	184,2	203,1	195,9	239,9	318,0	228,21	220,87

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

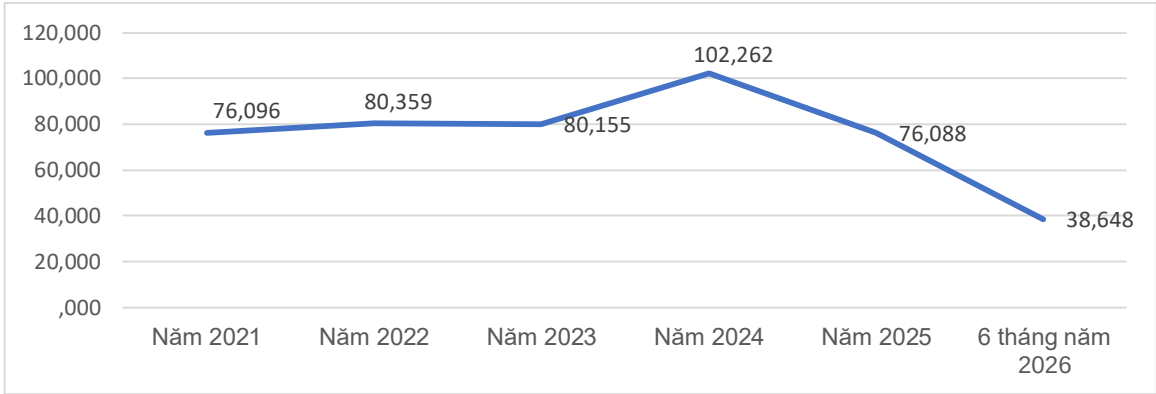
1.2 Vai trò của mặt hàng thủy sản xuất khẩu tới I-xra-en

Thủy sản là một trong những nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam tới thị trường I-xra-en. Trong giai đoạn năm 2021-2025, xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en đạt bình quân 82,99 triệu USD/năm, chiếm 10,8% tổng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tới I-xra-en. Với mức bình quân 82,99 triệu USD/năm, xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en đứng thứ 2 trong các nhóm hàng xuất khẩu được thống kê, sau điện thoại và linh kiện đạt 258,95 triệu USD/năm.

Trong cơ cấu xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tới I-xra-en, xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en có vai trò quan trọng hơn xét về khả năng thu về ngoại tệ. Khác với điện thoại và linh kiện chủ yếu phụ thuộc vào chuỗi cung ứng điện tử, xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en thuộc nhóm hàng nông nghiệp, thực phẩm có lợi thế cạnh tranh của Việt Nam. Do đó, duy trì và mở rộng xuất khẩu thủy sản tới

I-xra-en có ý nghĩa trực tiếp đối với việc nâng cao hiệu quả xuất khẩu của Việt Nam tới I-xra-en, tăng tỷ trọng hàng hóa có nguồn gốc từ sản xuất trong nước.

Biểu đồ 2: Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới I-xra-en giai đoạn năm 2021 - 2026 (ĐVT. Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

1.2.1 Vai trò của xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en trước khi VIFTA có hiệu lực

Giai đoạn năm 2021-2023 - trước khi VIFTA có hiệu lực: xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en đạt bình quân 78,90 triệu USD/năm, chiếm bình quân 10,8% tổng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tới I-xra-en. Xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en duy trì mức 76,1-80,4 triệu USD/năm, trong khi tổng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tới I-xra-en giảm 19,7% năm 2023.

Trong giai đoạn 2021 - 2024, tỷ trọng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam có xu hướng tăng, cho thấy sự đóng góp của ngành giai đoạn này ngày càng tăng.

Bảng 2: Xuất khẩu thủy của Việt Nam tới I-xra-en và tỷ trọng giai đoạn 2021 - 2025 và 6 tháng đầu năm 2026

	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng năm 2026
Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tới I-xra-en (triệu USD)	780,63	785,75	631,29	794,56	865,03	566,95
So sánh xuất khẩu hàng hóa tới I-xra-en với năm trước đó (%)	14,23	0,65	-19,66	25,86	8,87	38,56
Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới I-xra-en (triệu USD)	76,10	80,36	80,15	102,26	76,09	38,65
So sánh xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en với năm trước đó (%)	40,56	5,6	-0,25	27,58	-25,6	26,38
Tỷ trọng mặt hàng thủy sản/tổng xuất khẩu hàng hóa tới I-xra-en (%)	9,75	10,23	12,70	12,87	8,80	6,82

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

1.2.2 Vai trò của xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en sau khi VIFTA có hiệu lực

Năm 2025 là năm đầu tiên VIFTA có hiệu lực, đây là năm quan trọng nhất để đánh giá bước đầu khả năng khai thác các cam kết của VIFTA đối với xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en. Tuy nhiên, kết quả xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en năm 2025 chưa cho thấy sự tăng trưởng sau khi VIFTA có hiệu lực đầy đủ. Xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en đạt 76,1 triệu USD, giảm 25,6%, so năm 2024, giảm 3,5% so với mức trung bình của giai đoạn năm 2021 - 2023. Trong 6 tháng năm 2026, xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en đạt 38,65 triệu USD, đã tăng 27% so với cùng kỳ năm 2025 cho thấy tác động nhất định của VIFTA, chiếm 6,82% tổng trị giá xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tới I-xra-en.

Tỷ trọng xuất khẩu thủy sản trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang I-xra-en sau khi tăng lên mức cao nhất giai đoạn là 12,87% trong năm 2024 đã giảm xuống 8,8% vào năm 2025 và 6,82% trong 6 tháng đầu năm 2026. Điều này cho thấy mức độ đóng góp của ngành thủy sản trong tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa sang I-xra-en có xu hướng giảm.

2. Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới I-xra-en giai đoạn 2021 -2026

Giai đoạn 2021-2025, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới I-xra-en đạt bình quân 16,24 nghìn tấn/năm, với trị giá bình quân 82,99 triệu USD/năm. Năm 2021, xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en đạt 14,66 nghìn tấn, trị giá 76,10 triệu USD. Năm 2022, lượng xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en giảm 4,0%, nhưng trị giá tăng 5,6%. Năm 2023, lượng xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en tăng 12,4%, trong khi trị giá giảm 0,3%.

Năm 2024, xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en tăng mạnh, đạt 21,71 nghìn tấn, tăng 37,2% so với năm 2023; trị giá đạt 102,26 triệu USD, tăng 27,6%. Đây là mức cao nhất của xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en trong giai đoạn 2021-2025. Tuy nhiên, VIFTA chỉ có hiệu lực từ ngày 17/11/2024 nên kết quả của cả năm 2024 chưa thể đánh giá là kết quả trực tiếp của VIFTA. Năm 2024 là năm chuyển tiếp giữa giai đoạn trước và sau khi VIFTA có hiệu lực.

Năm 2025, xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en giảm xuống 14,90 nghìn tấn, giảm 31,4% so với năm 2024; trị giá đạt 76,09 triệu USD, giảm 25,6%.

Trong 6 tháng năm 2026, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới I-xra-en đạt 7,57 nghìn tấn, trị giá 38,65 triệu USD, tăng 24,24% về lượng và tăng 27% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 6,82% tổng trị giá xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tới I-xra-en.

Bảng 3: Mặt hàng thủy sản xuất khẩu tới I-xra-en giai đoạn năm 2021-2025 và 6 tháng đầu năm 2026

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: Nghìn USD)

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan

2.1. Mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam tới I-xra-en trước khi VIFTA có hiệu lực

Trong giai đoạn 2021-2023, trước khi VIFTA có hiệu lực, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới I-xra-en đạt bình quân 14,85 nghìn tấn/năm, với trị giá bình quân 78,87 triệu USD/năm.

Cơ cấu xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en trong giai đoạn 2021-2023 tập trung vào cá ngừ các loại, tôm các loại, cá tra basa và mực các loại. Trong đó, cá ngừ là nhóm hàng giữ vai trò chủ lực và có ảnh hưởng lớn nhất đến biến động tổng trị giá xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en.

Năm 2024, xuất khẩu cá ngừ các loại, tôm các loại, cá tra basa và mực các loại vẫn là mặt hàng thủy sản xuất khẩu chủ lực sang I-xra-en.

2.2. Mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam tới I-xra-en sau khi VIFTA có hiệu lực

Năm 2025 là năm đầu tiên VIFTA có hiệu lực đầy đủ trong cả năm. Xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en đạt 14,90 nghìn tấn, giảm 31,4% so với năm 2024; trị giá đạt 76,09 triệu USD, giảm 25,6%. Sau khi VIFTA có hiệu lực đầy đủ, quy mô xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en về lượng đã duy trì được mức của giai đoạn trước khi VIFTA có hiệu lực, nhưng trị giá chưa tăng.

Tuy nhiên, kết quả giữa các nhóm hàng có sự khác biệt rõ. Năm 2025, xuất khẩu tôm tới I-xra-en tăng 20,4% về lượng và 8,0% về trị giá so với bình quân giai đoạn 2021-2023. Xuất khẩu cá tra, basa tới I-xra-en tăng 20,8% về lượng và 11,0% về trị giá. Xuất khẩu cá đông lạnh tới I-xra-en tăng 36,9% về lượng và 4,3% về trị giá.

Ngược lại, xuất khẩu cá ngừ tới I-xra-en năm 2025 giảm 9,2% về trị giá, xuất khẩu mực tới I-xra-en giảm 23,7% về trị giá, còn xuất khẩu cá khô tới I-xra-en giảm 72,5% về trị giá so với bình quân giai đoạn 2021-2023.

Như vậy, năm 2025 chưa ghi nhận mức tăng trưởng rõ rệt của tổng trị giá xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en sau khi VIFTA có hiệu lực, nhưng một số nhóm

hàng như tôm và cá tra, basa đã có mức tăng tốt so với giai đoạn trước VIFTA.

2.3. Xuất khẩu một số nhóm hàng thủy sản của Việt Nam tới I-xra-en trước và sau VIFTA có hiệu lực

2.3.1 Cá ngừ các loại

Cá ngừ là nhóm hàng chủ lực trong xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới I-xra-en. Trong giai đoạn 2021-2025, xuất khẩu cá ngừ tới I-xra-en đạt bình quân 9,93 nghìn tấn/năm, trị giá 46,54 triệu USD/năm, chiếm 56,1% tổng trị giá xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en.

Năm 2022, xuất khẩu cá ngừ tới I-xra-en giảm 20,6% về lượng và 11,8% về trị giá. Năm 2023, xuất khẩu cá ngừ tới I-xra-en tăng 47,8% về lượng và 41,1% về trị giá. Năm 2024, xuất khẩu cá ngừ tới I-xra-en tiếp tục tăng 33,4% về lượng và 23,0% về trị giá, đạt 14,34 nghìn tấn và 63,58 triệu USD. Năm 2025, xuất khẩu cá ngừ tới I-xra-en giảm 43,3% về lượng và 38,2% về trị giá, còn 8,13 nghìn tấn và 39,28 triệu USD.

6 tháng năm 2026, xuất khẩu cá ngừ tới I-xra-en đạt 4,13 nghìn tấn, trị giá 19,95 triệu USD, tăng 18,72% về lượng và tăng 16,59% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 54,58% về lượng và chiếm 51,6% tổng trị giá xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en trong 6 tháng năm 2026.

2.3.2 Tôm các loại

Tôm là nhóm hàng có trị giá lớn thứ hai trong xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en. Giai đoạn 2021-2025, xuất khẩu tôm tới I-xra-en đạt bình quân 2,25 nghìn tấn/năm, trị giá 19,46 triệu USD/năm, chiếm 23,4% tổng trị giá xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en.

Giai đoạn 2021-2023, xuất khẩu tôm tới I-xra-en giảm 13,9% về lượng và 27,5% về trị giá. Năm 2024, xuất khẩu tôm tới I-xra-en tăng 27,4% về lượng và 24,1% về trị giá.

Năm 2025, xuất khẩu tôm tới I-xra-en đạt 2,49 nghìn tấn, tăng 20,4% về lượng so với bình quân giai đoạn 2021-2023; trị giá đạt 20,55 triệu USD, tăng 8,0%.

6 tháng năm 2026, xuất khẩu tôm tới I-xra-en đạt 1,34 nghìn tấn, trị giá 10,60 triệu USD, chiếm 17,68% về lượng và chiếm 27,32% tổng trị giá xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en, tăng 43,83% về lượng và tăng 40,04% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025. Đây là một trong những nhóm hàng có kết quả tích cực

nhất sau khi VIFTA có hiệu lực đầy đủ.

2.3.3 Cá tra, basa

Trong giai đoạn 2021-2025, xuất khẩu cá tra, basa tới I-xra-en đạt bình quân 2,45 nghìn tấn/năm, trị giá 5,97 triệu USD/năm. Năm 2022, xuất khẩu cá tra, basa tới I-xra-en tăng 21,6% về lượng và 56,9% về trị giá. Năm 2023, lượng giảm 15,0%, trị giá giảm 33,0%. Năm 2024, lượng tăng 38,5%, trị giá tăng 35,6%. Năm 2025, lượng giảm 8,6%, trị giá giảm 6,1% so với năm 2024. Tuy nhiên, so với bình quân xuất khẩu cá tra, basa tới I-xra-en trong giai đoạn 2021-2023, năm 2025 lượng tăng 20,8%, trị giá tăng 11,0%.

6 tháng năm 2026, xuất khẩu cá tra, basa tới I-xra-en đạt 1,29 nghìn tấn, trị giá 3,06 triệu USD, chiếm 17,7% về lượng và chiếm 7,9% tổng trị giá xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en, tăng 14,36% về lượng và tăng 16,12% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025.

2.3.4 Mực các loại

Trong giai đoạn 2021-2025, xuất khẩu mực tới I-xra-en đạt bình quân 0,81 nghìn tấn/năm, trị giá 6,49 triệu USD/năm. Năm 2022, xuất khẩu mực tới I-xra-en tăng mạnh 132,1% về lượng và 165,9% về trị giá. Năm 2023, lượng giảm 57,9%, trị giá giảm 58,6%. Năm 2024, lượng tăng 42,4%, trị giá tăng 35,3%. Năm 2025, lượng giảm 18,0%, trị giá giảm 18,7%. So với bình quân xuất khẩu mực tới I-xra-en trong giai đoạn 2021-2023, năm 2025 lượng giảm 20,4%, trị giá giảm 23,7%.

6 tháng năm 2026, xuất khẩu mực tới I-xra-en đạt 0,42 nghìn tấn, trị giá 3,22 triệu USD, chiếm 5,54% về lượng và chiếm 8,3% tổng trị giá xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en, tăng 118,97% về lượng và tăng 130,78% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025.

2.4 So sánh xug 118,97% về lượng và tăng 130,78% về trị giá sau khi VIFTA có hiệu lực

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới I-xra-en trong giai đoạn 2021-2025 đạt bình quân 16,24 nghìn tấn/năm, trị giá 82,99 triệu USD/năm. Cơ cấu xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en tập trung cao vào cá ngừ, tôm, cá tra, basa và mực. Trong đó, cá ngừ là nhóm hàng quyết định lớn nhất đến tổng trị giá xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en, chiếm 56,1% trong giai đoạn 2021-2025.

Trước khi VIFTA có hiệu lực, giai đoạn 2021-2023, xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en đạt bình quân 14,85 nghìn tấn/năm, trị giá 78,87 triệu USD/năm. Năm 2024, xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en tăng mạnh và đạt mức cao nhất trong giai đoạn, nhưng đây chủ yếu là kết quả của cả năm trước thời điểm VIFTA có hiệu lực.

Năm 2025, năm đầu tiên VIFTA có hiệu lực đầy đủ, xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en chưa tăng về tổng trị giá so với giai đoạn trước VIFTA. Tuy nhiên, tôm và cá tra, basa đã đạt mức cao hơn rõ rệt so với bình quân giai đoạn 2021-2023. Đây là hai nhóm hàng cần được tiếp tục khai thác để mở rộng xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en trong thời gian tới. 6 tháng năm 2026, xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en đạt 7,57 nghìn tấn, trị giá 38,65 triệu USD. Cá ngừ tiếp tục giữ vị trí chủ lực, trong khi tôm duy trì tỷ trọng cao.

Nhìn tổng thể, VIFTA chưa tạo ra bước tăng trưởng mạnh về tổng xuất khẩu thủy sản tới I-xra-en trong năm 2025, nhưng đã mở ra điều kiện thuận lợi để một số nhóm hàng, đặc biệt là tôm và cá tra, basa, mở rộng thị trường. Khả năng tận dụng VIFTA trong thời gian tới sẽ phụ thuộc nhiều vào việc doanh nghiệp khai thác ưu đãi thuế quan, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và duy trì nguồn cung ổn định cho thị trường I-xra-en.

3. Nhập khẩu thủy sản của I-xra-en trước và sau khi VIFTA có hiệu lực

3.1 Nhập khẩu thủy sản của I-xra-en giai đoạn năm 2021-2025

Trong giai đoạn năm 2021-2025, nhập khẩu thủy sản của I-xra-en có xu hướng tăng nhưng biến động khá mạnh qua từng năm. Theo số liệu ITC, trị giá nhập khẩu thủy sản của I-xra-en tăng từ 756,3 triệu USD năm 2021 lên 1,028 tỷ USD năm 2025, tăng 35,9% trong cả giai đoạn.

Cơ cấu thị trường cung cấp thủy sản cho I-xra-en có mức độ tập trung và đang có sự dịch chuyển đáng kể. Na Uy là nguồn cung lớn nhất trong toàn bộ giai đoạn, song thị phần giảm mạnh từ 31,1% năm 2021 xuống 20,2% năm 2025. Trị giá nhập khẩu thủy sản từ Na Uy giảm từ 234,9 triệu USD năm 2021 xuống 207,7 triệu USD năm 2025, giảm 11,5%. Trong khi đó, Trung Quốc tăng trị giá cung cấp từ 85,0 triệu USD năm 2021, lên 135,1 triệu USD năm 2025, tăng 59,1%, đưa thị phần từ 11,2% lên 13,1%. Thái Lan tăng mạnh nhất trong nhóm đối thủ châu Á, từ 43,5 năm 2021 triệu USD lên 86,1 triệu USD năm 2025, tăng 98,0%, thị phần tăng từ 5,8% lên 8,4%.

Bảng 4: Thị trường cung cấp thủy sản cho I-xra-en giai đoạn năm 2021-2025

Thị trường	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Thế giới	756.287	959.177	857.906	1.116.558	1.028.081
Na Uy	234.885	271.486	217.004	231.310	207.740
Trung Quốc	84.965	119.276	101.606	120.060	135.141
Chile	55.121	77.339	108.998	129.036	99.383
Thái Lan	43.515	68.479	65.252	121.090	86.142
Hy Lạp	1.289	3.956	7.312	41.661	81.069
Hà Lan	23.362	37.441	33.613	61.031	76.764
Việt Nam	67.386	73.379	77.262	91.785	76.709
Síp	31.599	36.465	25.942	52.192	57.099
Đan Mạch	27.836	33.721	24.958	29.870	32.307
Ba Lan	5.911	8.575	21.202	13.608	25.554
Sri Lanka	11.638	9.969	8.310	13.268	14.687
Ấn Độ	7.045	6.442	6.426	7.471	13.182
Mỹ	7.198	14.416	14.361	17.642	12.993
Italia	7.234	9.198	8.315	11.524	11.766
Indonesia	1.373	988	1.145	1.271	1.517
Uganda	4.596	14.094	5.477	7.766	7.346
Tây Ban Nha	4.051	5.344	3.656	7.650	5.760
Argentina	5.610	8.622	8.167	7.163	5.704
Tanzania	5.060	7.209	6.837	10.101	5.413
Belarus	3.732	3.909	4.321	6.345	4.774
Latvia	2.890	4.640	4.365	5.480	4.255
Đức	4.600	6.152	6.278	5.596	3.955
Thị trường khác	115.391	138.077	97.099	123.638	58.821

Nguồn: ITC

3.2 Vị trí của thủy sản Việt Nam và tương quan với đối thủ cạnh tranh

Việt Nam là một trong những nguồn cung thủy sản quan trọng của I-xra-en, nhưng thị phần có xu hướng giảm tương đối so với các đối thủ cạnh tranh. Trị giá nhập khẩu thủy sản của I-xra-en từ Việt Nam tăng từ 67,4 triệu USD năm 2021 lên 76,7 triệu USD năm 2025, tăng 13,8%, thấp hơn đáng kể mức tăng 35,9% của tổng nhập khẩu thủy sản I-xra-en trong cùng giai đoạn. Về thứ hạng, Việt Nam đứng thứ ba năm 2021, sau Na Uy và Trung Quốc; đứng thứ tư trong các năm 2022 và 2023; đứng thứ 5 năm 2024. Sang năm 2025, Việt Nam xuống thứ 7, sau Na Uy, Trung Quốc, Chile, Thái Lan, Hy Lạp và Hà Lan. Việc giảm

thứ hạng trong năm 2025 chủ yếu do nhập khẩu thủy sản từ Việt Nam giảm mạnh 16,4%, trong khi nhập khẩu từ Trung Quốc tăng 12,6%, Hy Lạp tăng 94,6%, Hà Lan tăng 25,8% và Ba Lan tăng 87,8%.

Xét riêng nhóm đối thủ có tính tương đồng cao, Trung Quốc và Thái Lan là hai đối thủ mà Việt Nam có cơ hội tận dụng VIFTA để cải thiện vị thế cạnh tranh rõ nhất. Năm 2025, Trung Quốc chiếm 13,1% thị phần thủy sản nhập khẩu của I-xra-en, Thái Lan chiếm 8,4%, trong khi Việt Nam chỉ chiếm 7,5%. Khoảng cách với Thái Lan tương đối nhỏ, vì vậy đây là nhóm đối thủ mà ưu đãi thuế quan từ VIFTA có thể tạo tác động cạnh tranh trực tiếp hơn. Trong khi đó, Chile chiếm 9,7% thị phần, khoảng cách này lớn hơn nhưng Chile có lợi thế riêng về nguồn nguyên liệu và các thỏa thuận thương mại.

Nhìn tổng thể, VIFTA đã làm thay đổi tương quan cạnh tranh của thủy sản Việt Nam tại I-xra-en theo hướng tích cực, nhưng tác động bước đầu chưa thể hiện rõ qua thị phần năm 2025. Điểm quan trọng là VIFTA giúp Việt Nam chuyển từ vị thế cạnh tranh chủ yếu dựa trên giá thành và năng lực cung ứng sang vị thế có thêm lợi thế thuế quan mang tính thể chế. Lợi thế này đặc biệt có ý nghĩa khi cạnh tranh với Trung Quốc và Thái Lan, hai nguồn cung có cơ cấu sản phẩm tương đối tương đồng với Việt Nam.

Tuy nhiên, VIFTA không tự động tạo ra lợi thế trước toàn bộ các đối thủ. Với Na Uy, lợi thế thuế quan của Việt Nam còn hạn chế do Na Uy đã có cơ chế thương mại ưu đãi với I-xra-en từ lâu; với các nguồn cung EU như Hy Lạp và Hà Lan, cạnh tranh còn dựa vào lợi thế logistics và quan hệ thương mại EU-I-xra-en; với Chile, Việt Nam phải cạnh tranh với một nhà cung cấp thủy sản có năng lực sản xuất và mạng lưới FTA rộng. Vì vậy, hiệu quả của VIFTA đối với thủy sản Việt Nam sẽ phụ thuộc nhiều vào mức độ tận dụng ưu đãi thuế quan của doanh nghiệp, khả năng đáp ứng quy tắc xuất xứ và tiêu chuẩn chất lượng của I-xra-en, cũng như khả năng chuyển lợi thế thuế thành giá bán cạnh tranh.

Như vậy, VIFTA tạo ra cơ hội quan trọng để thủy sản Việt Nam nâng cao sức cạnh tranh tại I-xra-en, nhưng đây mới là điều kiện thuận lợi chứ chưa phải yếu tố bảo đảm tăng thị phần. Số liệu năm 2025 cho thấy Việt Nam vẫn đang chịu sức ép lớn từ các đối thủ và cần thêm thời gian để chuyển lợi thế thuế quan thành tăng trưởng thực tế. Nếu tận dụng tốt các cam kết của VIFTA, Việt Nam có cơ sở để phục hồi thị phần từ mức 7,5% năm 2025, trước hết hướng tới thu

hẹp khoảng cách với Thái Lan, Chile và Trung Quốc; đồng thời củng cố vị trí trong nhóm các nguồn cung thủy sản chủ lực của I-xra-en.

Bảng 5: Tương quan thị phần thủy sản của các đối thủ cạnh tranh với thủy sản Việt Nam tại I-xra-en và mức độ tác động của VIFTA

Thị trường	Trị giá cung cấp cho I-xra-en	Thị phần	So với Việt Nam	Tác động tương đối của VIFTA
Na Uy	207,7 triệu USD	20,2%	Cao hơn Việt Nam 12,7 điểm %	Việt Nam khó tạo lợi thế thuế quan vượt trội
Trung Quốc	135,1 triệu USD	13,1%	Cao hơn Việt Nam 5,7 điểm %	Việt Nam có lợi thế thuế quan rõ hơn
Chile	99,4 triệu USD	9,7%	Cao hơn Việt Nam 2,2 điểm %	Lợi thế của Việt Nam bị thu hẹp bởi các ưu đãi thương mại của Chile
Thái Lan	86,1 triệu USD	8,4%	Cao hơn Việt Nam 0,9 điểm %	Đối thủ cạnh tranh trực tiếp, VIFTA tạo lợi thế cho Việt Nam
Hy Lạp	81,1 triệu USD	7,9%	Cao hơn Việt Nam 0,4 điểm %	Cạnh tranh mạnh về logistics và nguồn cung EU
Hà Lan	76,8 triệu USD	7,5%	Gần tương đương Việt Nam	Cạnh tranh mạnh từ nguồn cung EU
Việt Nam	76,7 triệu USD	7,5%	—	Có ưu đãi VIFTA

Nguồn: Tính toán từ ITC

4. Xu hướng tiêu dùng và nhập khẩu thủy sản của I-xra-en

4.1 Nhu cầu tiêu dùng thủy sản của I-xra-en

Tiêu thụ thủy sản bình quân đầu người của I-xra-en duy trì ở mức tương đối cao. Theo báo cáo của FAOSTAT, mức tiêu thụ thủy sản bình quân đầu người của I-xra-en đạt khoảng 24,8 kg/người năm 2023, cao hơn mức 23,3 kg/người năm 2019.

Bảng 6: Tiêu thụ thủy sản bình quân đầu người của I-xra-en giai đoạn năm 2021-2025

Năm	Tiêu thụ thủy sản bình quân đầu người/năm
2021	22,45 kg/người
2022	22,75 kg/người
2023	22,92 kg/người
2024	23,19 kg/người
2025	23,16 kg/người

Nguồn: OECD-FAO Agricultural Outlook;
Số liệu 2021-2025 là chuỗi dự báo/mô hình

Trong khi khả năng sản xuất thủy sản trong nước còn hạn chế, là cơ sở quan trọng để nhu cầu nhập khẩu thủy sản của I-xra-en tiếp tục duy trì ở mức cao. Đây cũng là yếu tố tạo dư địa cho các nhà cung cấp nước ngoài, trong đó có Việt Nam, mở rộng thị trường trong thời gian tới.

4.2 Xu hướng tiêu dùng thủy sản của I-xra-en

Trong thời gian tới, tiêu dùng thủy sản tại I-xra-en có khả năng vẫn duy trì ở mức khá cao, nhưng cơ cấu nhu cầu sẽ có sự phân hóa rõ hơn theo giá, chất lượng và tính thuận tiện của sản phẩm.

Thứ nhất, nhu cầu đối với thủy sản giàu đạm, dễ chế biến và có mức giá phù hợp sẽ tiếp tục tăng. Trong bối cảnh chi phí sinh hoạt và giá thực phẩm có thể ảnh hưởng đến sức mua, người tiêu dùng có xu hướng cân nhắc nhiều hơn giữa giá và chất lượng. Điều này tạo dư địa cho các sản phẩm thủy sản đông lạnh, phi lê, cắt khúc và sản phẩm chế biến sẵn.

Thứ hai, thủy sản nuôi trồng sẽ ngày càng giữ vai trò quan trọng. Điều này có ý nghĩa đối với I-xra-en vì thị trường này cần nguồn cung ổn định quanh năm, trong khi sản xuất nội địa hạn chế.

Thứ ba, cá hồi, tôm, cá ngừ, cá trắng và các sản phẩm thủy sản chế biến sẽ tiếp tục là những nhóm có tiềm năng tiêu thụ tốt. Việc Na Uy duy trì vị trí nhà cung cấp lớn nhất cho I-xra-en trong nhiều năm cho thấy nhu cầu đối với các sản phẩm thủy sản có chất lượng cao, nguồn cung ổn định và thương hiệu quốc tế vẫn khá lớn. Trong khi đó, sự gia tăng nhanh của nguồn cung từ Trung Quốc, Chile, Thái Lan, Hy Lạp và Hà Lan cho thấy các nhà nhập khẩu I-xra-en đang đa dạng hóa nguồn cung, tạo thêm lựa chọn về chủng loại, giá và hình thức sản phẩm.

Thứ tư, nhu cầu đối với sản phẩm tiện lợi và chế biến sâu có khả năng tăng. Đây là xu hướng có lợi cho Việt Nam vì lợi thế của Việt Nam không chỉ nằm ở nguồn nguyên liệu mà còn ở năng lực chế biến tôm, cá tra, cá ngừ, mực và các sản phẩm thủy sản đông lạnh, chế biến. Tuy nhiên, để khai thác phân khúc này, doanh nghiệp cần đáp ứng tốt yêu cầu về chất lượng, an toàn thực phẩm, bao bì, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn của I-xra-en.

4.3 Xu hướng nhập khẩu thủy sản của I-xra-en

Từ diễn biến nhập khẩu thủy sản giai đoạn năm 2021-2025, cho thấy nhu cầu nhập khẩu thủy sản của I-xra-en sẽ duy trì ở mức cao trong những năm tới,

nhưng tốc độ tăng có khả năng không quá cao và sẽ biến động theo sức mua, giá thủy sản và tình hình kinh tế.

Một điểm đáng chú ý là nhu cầu nhập khẩu có xu hướng tăng nhanh hơn khả năng mở rộng nguồn cung nội địa. Nếu sản lượng cá thương phẩm trong nước vẫn ở mức 15 nghìn tấn/năm như hiện nay, trong khi tiêu dùng bình quân đầu người ở mức hơn 20 kg/người/năm, nhập khẩu sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong cân đối cung cầu. Việc I-xra-en xem xét tăng nhập khẩu từ Ai Cập cũng cho thấy định hướng mở rộng và đa dạng hóa nguồn cung đang diễn ra.

Bên cạnh đó, xu hướng đa dạng hóa nguồn cung thủy sản trong thời gian tới của các nhà nhập khẩu I-xra-en mong muốn tìm kiếm nhiều nguồn cung để giảm rủi ro về giá, logistics và gián đoạn chuỗi cung ứng.

Đây là điểm có lợi cho Việt Nam. I-xra-en không phụ thuộc tuyệt đối vào một nguồn cung duy nhất và đang chủ động đa dạng hóa nhà cung cấp. Việt Nam, với thị phần 7,5% năm 2025, đã có vị trí tương đối quan trọng và có thể tận dụng xu hướng này để mở rộng thị phần.

4.4 Cập nhật các chính sách, quy định mới về nhập khẩu thủy sản của I-xra-en

4.4.1 Cải cách lớn: “Điều gì tốt cho châu Âu thì tốt cho I-xra-en”

Ngày 24/7/2024, Quốc hội I-xra-en thông qua cải cách “What’s Good for Europe is Good for Israel”, và phần cải cách thực phẩm bắt đầu triển khai từ tháng 1/2025. I-xra-en đưa 44 quy định của châu Âu vào hệ thống pháp luật thực phẩm, đồng thời sửa luật để có thể cập nhật nhanh hơn các thay đổi của EU. Mục tiêu là giảm việc doanh nghiệp phải đáp ứng đồng thời các tiêu chuẩn riêng của I-xra-en, qua đó đơn giản hóa nhập khẩu.

Đây là thay đổi có ý nghĩa đối với thủy sản Việt Nam. Về nguyên tắc, sản phẩm đã đáp ứng các yêu cầu tương ứng của châu Âu sẽ thuận lợi hơn khi tiếp cận I-xra-en, giúp giảm chi phí tuân thủ và hạn chế tình trạng phải thiết kế riêng sản phẩm cho thị trường I-xra-en.

Tuy nhiên, quá trình triển khai chưa hoàn toàn ổn định. Báo cáo Kiểm toán Nhà nước I-xra-en năm 2025 cho biết khi cải cách có hiệu lực vào tháng 1/2025, Bộ Y tế chưa dịch và công bố đầy đủ 40/44 quy định châu Âu được tiếp nhận, đồng thời chưa hoàn thiện đầy đủ hướng dẫn cho doanh nghiệp. Vì vậy,

trong giai đoạn chuyển tiếp, doanh nghiệp vẫn cần làm việc chặt chẽ với nhà nhập khẩu I-xra-en để xác định chính xác yêu cầu áp dụng cho từng mặt hàng.

Tác động tới Việt Nam: tích cực. Đặc biệt có lợi cho các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam vốn đã quen với hệ thống tiêu chuẩn cao của EU. Nếu doanh nghiệp đã có quy trình kiểm soát dư lượng, vi sinh, chất gây ô nhiễm, truy xuất nguồn gốc và hồ sơ kỹ thuật phù hợp với EU thì chi phí điều chỉnh để xuất khẩu sang I-xra-en có thể thấp hơn.

4.4.2 Thủ tục nhập khẩu thực phẩm được đơn giản hóa, chuyển mạnh sang hậu kiểm

I-xra-en đồng thời triển khai cải cách nhập khẩu theo hướng giảm kiểm tra trước khi thông quan, tăng trách nhiệm của nhà nhập khẩu và tăng kiểm tra trên thị trường.

Đối với một số nhóm hàng, cơ chế khai báo và các “đường nhập khẩu” đơn giản hơn cho phép hàng hóa được đưa vào thị trường dựa nhiều hơn vào hồ sơ tuân thủ thay vì kiểm tra từng lô. Báo cáo của Kiểm toán Nhà nước I-xra-en cho biết cải cách “No Stopping at the Port” được triển khai từ tháng 7/2024, nhằm hạn chế hàng hóa phải dừng tại cửa khẩu khi thuộc các nhóm có mức kiểm soát thấp hơn.

Đối với thực phẩm, European Track cũng tạo khả năng rút ngắn đáng kể thời gian thông quan. Theo đánh giá của Kiểm toán Nhà nước, thời gian để được giải phóng hàng theo European Track khoảng 5 ngày, so với 74-111 ngày đối với một số thực phẩm nhạy cảm đi theo quy trình thông thường.

Điều này tạo ra lợi thế đáng kể cho các nhà cung cấp nước ngoài có hệ thống kiểm soát chất lượng tốt, trong đó Việt Nam có thể hưởng lợi.

Tuy nhiên, đây cũng là con dao hai lưỡi: khi kiểm tra trước thông quan giảm, trách nhiệm của doanh nghiệp và nhà nhập khẩu tăng lên, còn cơ quan chức năng tăng hậu kiểm và có quyền cảnh báo, xử phạt, điều kiện hóa giấy phép nhập khẩu hoặc xác định nhà nhập khẩu vi phạm.

Đối với thủy sản Việt Nam, điều này có nghĩa là không nên hiểu cải cách là “I-xra-en giảm tiêu chuẩn”. Ngược lại, I-xra-en giảm thủ tục nhưng không giảm yêu cầu an toàn thực phẩm.

4.4.3 Quy định mới về ghi nhãn dị ứng, đặc biệt liên quan đến thủy sản

Đây là thay đổi mà doanh nghiệp thủy sản Việt Nam cần đặc biệt lưu ý. I-xra-en đang chuyển sang áp dụng cách ghi nhãn dị ứng theo Quy định EU 1169/2011. Theo quy định mới, thông tin về chất gây dị ứng phải nằm trong danh sách thành phần và được làm nổi bật bằng chữ đậm, gạch chân hoặc hình thức tương tự. Các chất gây dị ứng bắt buộc phải ghi nhãn bao gồm cá, sản phẩm từ cá, động vật giáp xác và động vật thân mềm.

Đáng chú ý, quy định mới đang trong giai đoạn chuyển tiếp bắt đầu từ 1/1/2025. Đối với thực phẩm đóng gói sẵn, thời hạn áp dụng đầy đủ cách ghi nhãn mới là 1/1/2028; do đó từ nay đến thời điểm này, thị trường có thể tồn tại song song nhãn cũ và nhãn mới. Doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu tôm, cá tra, cá ngừ, mực, bạch tuộc và thủy sản chế biến cần rà soát lại toàn bộ nhãn thành phần, tên nguyên liệu, cảnh báo dị ứng và thông tin trên bao bì. Đây là yêu cầu tương đối thuận lợi đối với doanh nghiệp đã xuất khẩu vào EU, nhưng có thể phát sinh chi phí đối với doanh nghiệp chưa chuẩn hóa nhãn theo hệ thống EU.

4.4.4 Tiêu chuẩn kỹ thuật đối với thủy sản của I-xra-en

I-xra-en đã và đang áp dụng nhiều yêu cầu kỹ thuật của EU đối với thủy sản. Ví dụ, hướng dẫn xuất khẩu thủy sản vào I-xra-en hiện yêu cầu sản phẩm thủy sản đáp ứng các yêu cầu về quy cách sản phẩm của EU, đồng thời yêu cầu về chứng nhận và nhãn hàng hóa được kiểm soát cụ thể.

Đối với hàng thủy sản xuất khẩu, đặc biệt là hàng đông lạnh, chế biến và thủy sản có nguồn gốc động vật, doanh nghiệp cần chú trọng: An toàn thực phẩm; kiểm soát dư lượng kháng sinh và hóa chất; kiểm soát vi sinh; kim loại nặng và chất gây ô nhiễm; điều kiện bảo quản và chuỗi lạnh; truy xuất nguồn gốc; hồ sơ chứng nhận của cơ sở sản xuất; ghi nhãn đúng quy định.

Đối với thủy sản sống, yêu cầu còn chặt chẽ hơn. I-xra-en áp dụng cơ chế cấp phép thú y, kiểm soát sức khỏe động vật thủy sản và trong một số trường hợp yêu cầu kiểm dịch.

4.4.5 I-xra-en tiếp tục chính sách mở cửa thị trường để giảm giá thực phẩm

Một động lực quan trọng phía sau các cải cách nhập khẩu của I-xra-en là giảm chi phí sinh hoạt và tăng cạnh tranh trong thị trường thực phẩm.

I-xra-en đang thúc đẩy tăng nhập khẩu, giảm rào cản và tăng số lượng nhà cung cấp nhằm giảm mức độ tập trung của thị trường. Đây là xu hướng có lợi

cho các nhà xuất khẩu thủy sản Việt Nam, bởi I-xra-en đang có nhu cầu: đa dạng hóa nguồn cung → tăng cạnh tranh → giảm giá → tạo thêm cơ hội cho nhà cung cấp nước ngoài.

Đặc biệt, I-xra-en có xu hướng không muốn phụ thuộc quá mức vào một vài nguồn cung trong bối cảnh rủi ro địa chính trị và gián đoạn logistics. Mục tiêu đa dạng hóa nguồn nhập khẩu thực phẩm để bảo đảm nguồn cung ổn định trong trường hợp khẩn cấp.

4.4.6 Tác động kết hợp với VIFTA tới nhập khẩu thủy sản từ Việt Nam

Nếu đặt các chính sách mới của I-xra-en bên cạnh VIFTA, vị thế của thủy sản Việt Nam được cải thiện trên hai phương diện. Thứ nhất, VIFTA tạo lợi thế về thuế quan. Thứ hai, cải cách nhập khẩu của I-xra-en tạo thuận lợi về tiếp cận thị trường. Hai yếu tố này bổ trợ cho nhau. VIFTA giúp giảm chi phí thuế, còn cải cách nhập khẩu giúp giảm chi phí và thời gian tuân thủ đối với doanh nghiệp đáp ứng tốt yêu cầu của I-xra-en.

Bảng 7: Tổng hợp tác động các quy định, chính sách của I-xra-en tới thủy sản Việt Nam

Chính sách/quy định	Tác động tới nhập khẩu I-xra-en	Tác động tới Việt Nam
Hài hòa quy định với EU	Tăng thuận lợi	Tích cực
European Track	Rút ngắn thủ tục với hàng đủ điều kiện	Tích cực
Giám kiểm tra trước thông quan, tăng hậu kiểm	Giảm thời gian và chi phí nhập khẩu	Tích cực nhưng tăng trách nhiệm
Ghi nhãn dị ứng mới	Tăng yêu cầu về bao bì, nhãn	Trung tính/tăng chi phí ban đầu
Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo hướng EU	Tăng yêu cầu chất lượng	Có lợi cho doanh nghiệp đã đạt chuẩn EU
Tăng cạnh tranh, giảm tập trung	Mở thêm cơ hội cho nhà cung cấp mới	Tích cực
Đa dạng hóa nguồn cung	Giảm phụ thuộc một số nước	Tích cực
Hậu kiểm và xử phạt	Tăng rủi ro nếu vi phạm	Bất lợi là kiểm soát chất lượng yếu

Đặc biệt, lợi thế này có ý nghĩa khi cạnh tranh với Trung Quốc và Thái Lan. Đây là hai đối thủ có cơ cấu sản phẩm khá tương đồng với Việt Nam nhưng không có lợi thế từ một FTA song phương tương tự VIFTA. Trong khi đó, các nhà cung cấp như Na Uy và EU có lợi thế từ các thỏa thuận thương mại riêng với I-xra-en, nên VIFTA giúp Việt Nam thu hẹp một phần khoảng cách cạnh tranh chứ chưa tạo lợi thế tuyệt đối.

5. Đánh giá tính hiệu quả của VIFTA và triển vọng trong thời gian tới

Đánh giá tính hiệu quả của VIFTA đối với thủy sản của Việt Nam: Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - I-xra-en (VIFTA) chính thức có hiệu lực từ ngày 17/11/2024, với cam kết I-xra-en dành ưu đãi thuế cho hầu hết các mặt hàng thủy sản Việt Nam có thể mạnh xuất khẩu.

VIFTA đã tạo nền tảng thuận lợi hơn cho xuất khẩu thủy sản Việt Nam: VIFTA mới có hiệu lực từ tháng 11/2024, tức thời gian thực thi trong năm đầu tiên còn ngắn; doanh nghiệp cần thời gian để điều chỉnh hợp đồng, tận dụng ưu đãi thuế, hoàn thiện chứng từ xuất xứ và mở rộng hệ thống phân phối. Đồng thời, năm 2025 tổng nhập khẩu thủy sản I-xra-en cũng giảm, trong khi cạnh tranh từ các nguồn cung khác tăng mạnh. Do đó, tác động của VIFTA trong năm đầu thực thi Hiệp định vẫn còn hạn chế.

VIFTA tạo lợi thế rõ nhất đối với thủy sản Việt Nam trước Trung Quốc và Thái Lan: Nếu doanh nghiệp Việt Nam tận dụng đầy đủ ưu đãi thuế quan và đáp ứng quy tắc xuất xứ, phần thuế tiết giảm có thể được chuyển thành giá bán cạnh tranh hơn hoặc cải thiện biên lợi nhuận. Đây là lợi thế có thể hỗ trợ Việt Nam thu hẹp khoảng cách với Thái Lan trong thời gian tới.

Hiệu quả của VIFTA tác động tới việc hoàn thiện và cải cách chính sách nhập khẩu của I-xra-en: Một yếu tố thuận lợi khác là I-xra-en đang cải cách hệ thống nhập khẩu theo hướng đơn giản hóa thủ tục và tăng hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt là tiêu chuẩn EU. Đối với thủy sản Việt Nam, đây là cơ hội đáng chú ý vì nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã có kinh nghiệm đáp ứng các tiêu chuẩn cao của EU.

6 Triển vọng xuất khẩu thủy sản Việt Nam tới I-xra-en

Dự báo trong giai đoạn năm 2026-2030, xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang I-xra-en sẽ tăng trưởng tích cực hơn, với ba động lực chính.

Một là, nhu cầu nhập khẩu thủy sản của I-xra-en vẫn ở mức cao. Sản xuất trong nước còn hạn chế, trong khi thủy sản là một nguồn protein quan trọng trong cơ cấu tiêu dùng. Do đó, I-xra-en tiếp tục có nhu cầu duy trì và đa dạng hóa nguồn cung nhập khẩu. Hai là, VIFTA sẽ phát huy tác động rõ hơn khi thời gian thực thi kéo dài. Năm 2026-2027 sẽ là giai đoạn quan trọng để đánh giá khả năng doanh nghiệp Việt Nam chuyển lợi thế thuế quan thành giá bán cạnh tranh

và mở rộng khách hàng. Ba là, chính sách nhập khẩu của I-xra-en đang tạo thêm cơ hội cho nguồn cung mới. Việc đơn giản hóa thủ tục và mở rộng các kênh nhập khẩu sẽ làm tăng cạnh tranh nhưng đồng thời giảm sự phụ thuộc của thị trường vào một số nguồn cung truyền thống.

Đặc biệt, thị phần 7,5% của Việt Nam năm 2025 tạo dư địa tăng trưởng khá rõ. Nếu tận dụng tốt VIFTA, Việt Nam có khả năng trước hết thu hẹp và vượt Thái Lan về thị phần, sau đó hướng tới thu hẹp khoảng cách với Chile và Trung Quốc.

Trong ngắn hạn, năm 2026-2027 sẽ là giai đoạn bản lề. Nếu doanh nghiệp tận dụng tốt ưu đãi thuế quan, đáp ứng quy tắc xuất xứ và các yêu cầu kỹ thuật, khả năng phục hồi thị phần từ mức 7,5% năm 2025 là khả thi. Trong trung hạn, VIFTA có thể giúp Việt Nam củng cố vị trí trong nhóm các nhà cung cấp thủy sản lớn của I-xra-en.

Đối với cơ cấu sản phẩm, nên ưu tiên tôm, cá ngừ, mực, cá tra và thủy sản chế biến, trong đó tập trung nhiều hơn vào sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Lợi thế của Việt Nam sẽ rõ hơn nếu doanh nghiệp sử dụng ưu đãi thuế của VIFTA để giảm giá thành hoặc tái đầu tư vào chất lượng, chế biến sâu và phát triển thị trường, thay vì chỉ coi ưu đãi thuế là lợi thế đơn thuần về giá.

Nhìn chung, triển vọng của VIFTA đối với xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang I-xra-en là tích cực. Tuy nhiên, VIFTA nên được xem là “đòn bẩy” để nâng sức cạnh tranh chứ không phải yếu tố tự động tạo tăng trưởng. Hiệu quả thực tế trong những năm tới sẽ phụ thuộc vào mức độ tận dụng ưu đãi của doanh nghiệp, khả năng đáp ứng tiêu chuẩn I-xra-en, diễn biến nhu cầu nhập khẩu và mức độ cạnh tranh từ Trung Quốc, Thái Lan, Chile, Na Uy và EU.